

Bản án số: 395/2021/HNGĐ -ST

Ngày: 21-12-2021

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2/ Bà Phạm Thị Kim Hoàng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Văn Tánh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 681/2020/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 44/2021/QĐ-HPT ngày 30 tháng 11 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm: 1999; địa chỉ: 424/22/14 đường N, Phường L, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Đinh Thanh T, sinh năm: 1998; địa chỉ: 958/23D đường A, Phường M, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Trần Phạm Quốc H, sinh năm: 1985; địa chỉ: 45 đường D, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2020, bản tự khai các ngày 19/01/2021, 09/3/2021, 17/5/2021 nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N trình bày: bà và ông Đinh Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 87 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận F cấp ngày 08/6/2018. Khi về chung sống với nhau thì vợ chồng bà sống bên gia đình chồng

được một thời gian sau đó hai vợ chồng bà thuê nhà sống riêng. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T thường hay ghen tuông vô cớ và đánh đập bà. Dù gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông T không thay đổi. Từ tháng 8 năm 2020 thì vợ chồng bà sống ly thân, bà về nhà cha mẹ của bà sinh sống từ đó đến nay. Nay bà xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông Đinh Thanh T có với nhau 01 (một) người con chung tên là: Đinh Hạo T, sinh ngày: 03/8/2017 bà yêu cầu được nuôi dưỡng trẻ Hạo T. Về cấp dưỡng nuôi con: khi nộp đơn khởi kiện bà có yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con 4.000.000đồng/ tháng. Nhưng tại phiên tòa hôm bà tự nguyện không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con nữa.

Về tài sản chung: Trong quá trình sống chung bà và ông T có tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu SH150I, biển số 59K2-556.49 mua vào năm 2020 với giá 117.000.000 đồng do bà đứng tên sở hữu. Khi bà về nhà cha mẹ ruột sống thì ông T là người sử dụng chiếc xe này. Khi nộp đơn khởi kiện bà có yêu cầu Tòa án phân chia tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu SH150I, biển số 59K2-556.49 và bà yêu cầu được nhận số tiền là 50.000.000 đồng. Tòa án triệu tập ông T đến Tòa án để giải quyết vụ án thì ông T trình bày đã cầm cố chiếc xe máy này ở tiệm cầm đồ. Qua quá trình Tòa án thu thập chứng cứ thì bà được biết hiện chiếc xe máy nhãn hiệu SH150I, biển số 59K2-556.49 đã được bán cho ông Trần Phạm Quốc H. Bà hoàn toàn không biết ông H là ai và bà cũng không bán chiếc xe này cho ông H. Tại phiên tòa hôm nay bà xin rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu SH150I, biển số 59K2-556.49. Khi nào bà có yêu cầu chia tài sản chung thì bà sẽ khởi kiện thành vụ án khác.

Về nợ chung: bà N xác định không có nợ chung. Việc ông T có lời khai vợ chồng bà có vay của Ngân hàng HD bank số tiền 50.000.000 đồng thì bà không đồng ý, bà không biết ông T vay khoản tiền này lúc nào và vay làm gì. Nếu ông T cho rằng đây là nợ chung của vợ chồng thì đề nghị ông T cung cấp giấy tờ chứng minh.

Tại bản tự khai ngày 19/01/2021 bị đơn ông Đinh Thanh T trình bày: Thời gian đầu vợ chồng ông sống rất hạnh phúc nhưng sau đó ông phát hiện vợ ông ngoại tình và thuê nhà tại số 5 đường số 41, phường P, quận T để ở thì ông rất giận, sau đó ông đã dẫn vợ ông về nhà sau đó hai vợ chồng ở chung với nhau được 01 tháng rồi vợ ông lại bỏ nhà đi nữa, ông phải vừa ở nhà lo cho con và lo làm ăn. Sau đó thì vợ ông vẫn đi đi về về. Nay ông không đồng ý ly hôn vì ông còn thương vợ.

Về con chung: ông và bà N có với nhau 01 (một) người con chung tên là: Đinh Hạo T, sinh ngày: 03/8/2017, giả sử trong trường hợp phải ly hôn thì ông đồng ý giao trẻ Đinh Hạo T cho bà N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung : Vợ chồng có tài sản chung là chiếc xe máy SH biển số 59K2-556.49 do bà N đứng tên chủ sở hữu. Chiếc xe này ông là người sử dụng. Tuy nhiên, vào tháng 8/2020 ông đã cầm chiếc xe này với số tiền là 90.000.000 đồng. Giấy tờ cầm cố chiếc xe này ông sẽ cung cấp cho Tòa án sau. Khi bà N chuyển nhà về gia đình sinh sống thì có thỏa thuận với ông là bà N lấy vàng và giao cho ông chiếc xe SH.

Về nợ chung: Có vay ngân hàng HDBank số tiền hơn 50.000.000 đồng. Ông sẽ cung cấp các chứng từ này vào buổi làm việc tiếp theo.

- *Tại bản tự khai ngày 07/6/2021 Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Phạm Quốc H trình bày:* Ngày 03/02/2021 ông có đến cửa hàng xe máy Vy Lan địa chỉ: 608 đường L, phường H, quận T để mua xe. Tại đây ông đã mua chiếc xe SH150I, biển số 59K2-556.49 (xe đã qua sử dụng) với giá tiền là 100.000.000 đồng. Sau khi thanh toán tiền thì phía cửa hàng đã liên hệ với người được ủy quyền ra ký hợp đồng mua bán xe với ông tại Văn phòng công chứng Đ ngay trong ngày.

Sau khi thanh toán tiền thì cửa hàng giao xe và cả vệt xe cho ông và ông cầm giấy tờ xe và hợp đồng mua bán đến Công an tại số 282 đường N, quận B để làm thủ tục sang tên theo hướng dẫn. Đến ngày 20/02/2021 thì hoàn thành thủ tục sang tên, khoảng 01 tháng sau thì Công an đã hoàn tất thủ tục sang tên và hoàn trả cả vệt xe SH150I, biển số 59K2-556.49 đứng tên ông.

Ông hoàn toàn không biết bà Nguyễn Thị Kim N và ông Đinh Thanh T là ai, chỉ thấy tên bà Nguyễn Thị Kim N trên cả vệt xe. Ông nhớ khi ra công chứng ký hợp đồng mua bán xe là một người nam, ông không nhớ họ tên và người này được ủy quyền ký hợp đồng mua bán xe. Việc ông mua chiếc xe máy trên tại cửa hàng Vy Lan là hoàn toàn hợp pháp. Vì vậy, đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi cho ông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, bị đơn vắng mặt nhưng cũng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: bà Nguyễn Thị Kim N và ông Đinh Thanh T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, hôn nhân giữa bà N và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận. Trong thời gian sống chung vợ chồng bà N và ông T xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng nghi ngờ và không tin tưởng lẫn nhau. Từ tháng 8/2020 đến nay thì vợ chồng bà N và ông T đã sống ly thân với nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án ông T đã không đến Tòa án để tham gia hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà N và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Đề nghị, Hội đồng xét xử cho bà N được ly hôn với ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: giao trẻ Đình Hạo T, sinh ngày: 03/8/2017 cho bà N nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: Nếu có tranh chấp sẽ giải quyết trong một vụ án khác. Về án phí: bà N nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Nguyễn Thị Kim N có đơn yêu cầu ly hôn với ông Đình Thanh T nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Đình Thanh T vắng mặt nhưng đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng triệu tập ông T đến Tòa án để tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa. Nhưng tại phiên tòa hôm nay ông Đình Thanh T vẫn tiếp tục vắng mặt. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Phạm Quốc H có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Theo như lời trình bày của bà Nguyễn Thị Kim N và ông Đình Thanh T thì sau khi kết hôn thì hai vợ chồng sống hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Theo bà N thì ông T ghen tuông và đánh đập bà, ông T thì cho rằng bà N ngoại tình. Từ tháng 8 năm 2020 thì hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau. Bà N xác định không còn tình cảm vợ chồng với ông T nên yêu cầu được ly hôn. Ông T không đồng ý ly hôn vì cho rằng còn thương vợ.

Hội đồng xét xử xét thấy, Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...” nhưng giữa vợ chồng bà N và ông T đã không có sự tôn trọng, quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Cả hai đã sống ly thân với nhau từ năm 8 năm 2020 đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông T đến Tòa án để trình bày ý kiến và đề động viên hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng ông T đều vắng mặt. Điều này chứng tỏ ông T cũng không còn tha thiết để hàn gắn tình cảm vợ chồng với bà N. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị Kim N và ông Đình Thanh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Đình Thanh T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Bà N và ông T xác nhận có 01 (một) con chung là trẻ Đình Hạo T, sinh ngày: 03/8/2017. Bà N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ Hạo T. Tại bản tự khai ngày 19/01/2021 ông T trình bày giả sử trong trường hợp ly hôn thì ông cũng đồng ý giao trẻ Hạo T cho bà N nuôi dưỡng. Vì vậy, Hội

đồng xét xử quyết định giao trẻ Đình Hạo T cho bà Nguyễn Thị Kim N nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 17/12/2020 bà N yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu SH150I biển số 59K2-556.49. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay bà N rút lại một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu SH150I biển số 59K2-556.49 nên sau này có tranh chấp bà sẽ khởi kiện tranh chấp trong một vụ án khác. Hội đồng xét xử xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này của bà N là hoàn toàn tự nguyện và không trái quy định của pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này của bà N. Khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết thành một vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Bà N khai không có nợ chung. Tại bản tự khai ngày 19/01/2021 ông Đình Thanh T khai vợ chồng ông có nợ ngân hàng HD số tiền hơn 50.000.000 đồng. Bà N không thừa nhận có khoản vay này. Ngày 15/3/2021 Tòa án đã ban hành Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số 17/2021/QĐCCTLTC yêu cầu ông Đình Thanh T cung cấp hợp đồng tín dụng giữa ông Đình Thanh T với ngân hàng HD nhưng ông T không đến Tòa án để cung cấp chứng cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét về khoản nợ mà ông T trình bày. Nếu sau này có ai tranh chấp nợ với ông T và bà N sẽ khởi kiện thành một vụ án khác.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim N nộp.

Do bà N rút yêu cầu tranh chấp tài sản chung vì vậy trả lại cho bà N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 218; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 2 Điều 244; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

I. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N về việc yêu cầu chia tài sản chung là chiếc xe máy nhãn hiệu SH150I biển số 59K2-556.49.

II. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Thị Kim N được ly hôn với ông Đinh Thanh T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 87 do Ủy ban nhân dân Phường M, Quận F cấp ngày 08/6/2018 cho bà Nguyễn Thị Kim N và ông Đinh Thanh T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Giao trẻ Đinh Hạo T, sinh ngày: 03/8/2017 cho bà Nguyễn Thị Kim N nuôi dưỡng đến khi trẻ trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận sự tự nguyện của bà N không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Kim N có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi khi ông Đinh Thanh T đến thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con khi cần thiết đôi bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Khi nào có tranh chấp sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

4. Về nợ chung: Sau này có ai tranh chấp nợ với bà Nguyễn Thị Kim N và ông Đinh Thanh T sẽ giải quyết trong một vụ án khác.

5. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Nguyễn Thị Kim N nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010906 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà N đã nộp đủ án phí.

Trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là: 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010905 ngày 29/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6

6. Về quyền kháng cáo: đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

7. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đường sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6
- Ủy ban nhân dân P13, Q6
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thanh Nhàn

